

“KHI NÀO...” - GIẢ ĐỊNH HAY HIỆN THỰC? “KHI NÀO...” - UNREAL OR REAL?

LÊ THỊ MINH HẰNG
(TS; Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP HCM)

Abstract: In Vietnamese, there is no subjunctive mood. The meaning of supposition is expressed by lexical devices. This paper proves that noun phrase *khi nào* manifests a “weak reality”. Accordingly, *khi*, *khi nào*, and *nếu* form a real - unreal continuum.

Key words: reality; unreality; supposition; subjunctive; conditional.

1. Phân biệt sự tình thực và sự tình giả định là một sự phân biệt quan yếu trong cả ngữ nghĩa lẫn ngữ pháp. Trong tiếng Anh, tính giả định được xử lý như là một phạm trù ngữ pháp riêng biệt (phạm trù *thực*) với đòi hỏi riêng về dạng thức của động từ. Trong tiếng Việt không có thức ngữ pháp như tiếng Anh, ý nghĩa giả định được diễn đạt bằng các phương tiện từ vựng.

Nhìn chung, một cảnh huống nếu được nhìn nhận như một sự tình giả định thì thường được bắt đầu bằng *nếu* và đối lập với nó, một sự tình thực được bắt đầu bằng *khi*. (Tất nhiên, cần phải nói ngay rằng không phải sự tình nào có *nếu* cũng là giả định, và cũng không phải sự tình thực nào cũng bắt đầu với *khi*). Sự phân biệt *nếu* – *khi* thể hiện khá rõ khi diễn đạt một sự tình trước thời điểm phát ngôn (vd (1) (2) sau đây) và sau thời điểm phát ngôn (vd (3) (4)):

(3) Hôm qua, *khi* khách đến nhà, anh Nam đã mời họ thưởng thức đặc sản Huế. (hiện thực)

(4) Hôm qua, *nếu* khách đến nhà, anh Nam đã mời họ thưởng thức đặc sản Huế. (giả định)

(5) Ngày mai, *khi* khách đến nhà, anh Nam sẽ mời họ thưởng thức đặc sản Huế. (hiện thực)

(6) Ngày mai, *nếu* khách đến nhà, anh Nam sẽ mời họ thưởng thức đặc sản Huế. (giả định)

Theo cách phân biệt khá rạch ròi như trên, hai lời hứa (để đáp lại lời mời hay đề nghị gặp mặt của ai đó) như sau sẽ có tác động khác nhau:

(7) Tôi sẽ đến anh ngay, *khi* tôi có thời gian rảnh.

(8) Tôi sẽ đến anh ngay, *nếu* tôi có thời gian rảnh.

Đối với đa số người nghe, lời hứa có vẻ không chắc chắn, không đáng tin cậy lắm ở phát ngôn có *nếu*; và sẽ chắc chắn, đáng tin cậy hơn ở phát ngôn có *khi*.

Vấn đề là, trong thực tế, không chỉ có hai phát ngôn với *nếu* và *khi* như trên mà có thể có một phát ngôn với *khi nào*. Kết quả là cùng một cảnh huống, người ta có thể có ít nhất ba phát ngôn:

(9) *Khi* có thời gian rảnh, tôi sẽ đến anh ngay.

(10) *Khi nào* có thời gian rảnh, tôi sẽ đến anh ngay.

(11) *Nếu* có thời gian rảnh, tôi sẽ đến anh ngay.

Vậy câu (8) chúng ta phải hiểu thế nào cho đúng; hay nói cách khác, *khi nào* trong trường hợp này là một hiện thực (giống như *khi*) hay một giả định (giống như *nếu*)?

(Cũng cần nói thêm là *khi nào* hầu như chưa bao giờ được bàn đến với tư cách là một ngữ danh từ biểu thị thời gian hay điều kiện mà nó chỉ được đề cập đến với tư cách là một ngữ nghi vấn (tương tự *bao giờ/ chừng nào/ hồi nào*)).

Bài viết này sẽ phân tích *khi* nào trong mối tương quan với *khi* và *nếu*, và thử lí giải vì sao *khi* nào lại có thể xuất hiện trong cùng một ngữ cảnh như vậy.

2. Nếu chỉ căn cứ vào cảm giác thì, quả thật, với *khi* nào câu (8) là một lời hứa không được chắc chắn (gần với *nếu* hơn với *khi*). Giả thuyết *khi* nào có thể mang tính giả định càng được củng cố khi chúng ta không thể dùng nó để nói về một sự việc có thật thuộc về quá khứ. Chẳng hạn:

(12) *Khi* tôi còn nhỏ, gia đình tôi sống ở nông thôn.

(13) **Khi* nào tôi còn nhỏ, gia đình tôi sống ở nông thôn.

Nhưng nếu *khi* nào là một giả định thì nó sẽ thay thế được cho *nếu* ở những trường hợp khác trong giả định giả thiết (indicative conditionals – là loại giả định mà ví dụ (8) là một trường hợp) và cả trong những giả định phản thực (subjunctive conditionals). Điều này là bất khả:

(14) *Nếu* là chim tôi sẽ là loài bồ câu trắng.

(15) ??*Khi* nào là chim tôi sẽ là loài bồ câu trắng. (phản thực)

(16) Ngày mai, *nếu* trời mưa thì tôi sẽ ở nhà.

(17) *Ngày mai, *khi* nào trời mưa thì tôi sẽ ở nhà. (giả thiết)

Như vậy, mặc dù *khi* nào mang lại cảm giác không chắc chắn cho lời hứa và *khi* nào không thể sử dụng để nói về một sự việc xảy ra (một lần) trong quá khứ nhưng chúng ta cũng không thể xem *khi* nào là một giả định. Lí do là có rất nhiều phản ví dụ mà ở đó *khi* nào hiện thực 100%, được sử dụng không khác gì *khi*. So sánh các ví dụ sau đây:

(18) a. *Khi* mẹ về, mẹ sẽ mua cho con cái laptop.

b. *Khi* nào mẹ về, mẹ sẽ mua cho con cái laptop.

c. **Nếu* mẹ về, mẹ sẽ mua cho con cái laptop.

Phát ngôn ở (16) là lời bà mẹ nói với con trước chuyến công tác; đối với cả hai mẹ con,

việc "mẹ về" là chắc chắn, là *hiện thực*, do đó có thể dùng *khi* hoặc *khi* nào, còn *nếu* thì không được chấp nhận.

(19) a. *Khi* chị già, chị sẽ về quê sống.

b. *Khi* nào chị già, chị sẽ về quê sống.

c. **Nếu* chị già, chị sẽ về quê sống.

Tuổi già là một tất yếu, cho nên câu trên khó xem là có ý nghĩa giả định; *nếu* cũng không được chấp nhận.

(20) a. *Khi* đến ga, tôi sẽ gọi điện cho anh.

b. *Khi* nào đến ga, tôi sẽ gọi điện cho anh.

c. **Nếu* đến ga, tôi sẽ gọi điện cho anh.

Đây là lời hứa hẹn của một người đã yên vị trên xe lửa nói với người tiễn mình. Kinh nghiệm cho biết việc xe lửa đến ga là chắc chắn; đây cũng không phải là một giả định, nên *nếu* cũng không được chấp nhận.

Tương tự như vậy, trong hầu hết các trường hợp mà người nói xác tín về tính hiện thực của sự việc, dựa vào kiến thức hay kinh nghiệm mà họ đã từng biết hoặc từng trải qua, thì *khi* luôn có thể thay thế bằng *khi* nào mà không thể thay thế bằng *nếu*.

(21) Hoa đang trong giai đoạn thụ phấn. *Khi/ Khi* nào thụ phấn xong, nó sẽ kết quả.

(22) Tháng sau chị sinh à? *Khi / Khi* nào chị sinh, chị báo cho em nhé!

(23) *Khi/ Khi* nào đèn xanh bật lên thì chúng ta chạy qua ngay nhé!

Sự đối lập giữa một bên là *khi* và *khi* nào với một bên là *nếu* như 3 tình huống vừa nêu hết sức hiển nhiên. Vậy tại sao *khi* nào trong ví dụ (8) lại gây ấn tượng *giả định*?

Chúng ta đều biết rằng *khi* đưa ra những câu hỏi chuyên biệt như *Ai X? Ở đâu Y? Khi nào Z?*, v.v., người hỏi yêu cầu xác định một hoặc những biến/ phần tử trong cái tập hợp được gọi tên là "ai", là "đâu", là "khi" ấy.

Hay nói cách khác, các từ nghi vấn chuyên biệt tạo ra một hàm ý *biệt loại* (câu hỏi *Ai X?* hàm ý là có những người *X* và những người không *X*; câu hỏi *Ở đâu Y?* hàm ý có nơi *Y* và nơi không *Y*; câu hỏi *Khi nào Z?* hàm ý có lúc *Z* và có lúc không *Z*) và do đó người hỏi muốn nhận được thông tin "những người",

"những nơi", "những lúc" thỏa mãn cái điều kiện X, Y, Z đã được biệt loại ấy.

Và khi các từ nghi vấn này nằm trong câu trần thuật thì cái hàm ý biệt loại đó vẫn được bảo tồn ở các ngữ đoạn phiếm chỉ.

Để thấy rõ hơn điều này, chúng ta hãy xét hoạt động của các đại từ vừa nói (vốn là đại từ nghi vấn nhưng dùng với nghĩa phiếm chỉ) ở các câu trần thuật trong nhóm (i) - so sánh với nhóm (ii) không có chúng.

Nhóm (i):

(24) a. Anh tìm cho tôi *ai/ người nào* biết hát nhé!

b. Tôi thích ở *đâu/ chỗ nào* có không khí trong lành.

c. Tôi sẽ mua cái *gì/ cái nào* rẻ nhất.

d. Tôi sẽ trao đổi với anh, *khi nào/ lúc nào/ chừng nào/ bao giờ* tôi rảnh.

Nhóm (ii):

(25) a. Anh tìm cho tôi người biết hát nhé!

b. Tôi thích chỗ có không khí trong lành.

c. Tôi sẽ mua cái rẻ nhất.

d. Tôi sẽ trao đổi với anh *khi/ lúc* tôi rảnh.

Trong nhóm (i) các từ phiếm chỉ (*ai, nào, gì, đâu*) tạo ra hàm ý rằng có tồn tại song song hai tập hợp: một tập hợp thỏa mãn yêu cầu đã nói ở định ngữ (người biết hát, nơi có không khí trong lành, cái rẻ nhất, khi tôi rảnh) và một tập hợp không thỏa mãn yêu cầu của định ngữ (người không biết hát, nơi không có không khí trong lành, cái không rẻ, khi tôi không rảnh).

Trong khi đó, với các câu ở nhóm (ii), ngữ đoạn đang bàn có trung tâm là một *danh từ đơn vị*, hàm ý vừa nói không tồn tại; nghĩa là với phát ngôn đưa ra, chỉ có duy nhất *một cá thể* được chỉ ra bằng cái định ngữ đi sau danh từ trung tâm.

Đến đây chúng ta có thể trở lại với khi nào ở ví dụ (8) để lý giải tại sao chúng ta có cảm giác *khi nào* gần với *nếu* hơn so với *khi*.

Ở *khi nào*, giống như những phân tích vừa nói trên, có một hàm ý biệt loại (cụ thể: *khi nào tôi rảnh* hàm ý là có lúc tôi rảnh, có lúc tôi không rảnh, và tôi chỉ có thể đến anh lúc tôi rảnh), tạo cho người nghe một cảm giác ngờ

vực, không chắc chắn (đặc biệt là trong các lời hứa hẹn) về sự xác tín của phát ngôn. Và từ cái không xác tín đến giả định là một bước rất gần. Do đó, *khi nào* tạo ấn tượng gần với *nếu* giả định hơn với *khi* hiện thực.

Vậy thì tại sao cũng với *khi nào*, cũng với hàm ý biệt loại mà các câu trong ví dụ (16) (17) (18) lại không tạo cho người nghe cảm giác giả định. Đó là vì, về mặt lý luận, ở người nghe đã có sẵn kiến thức nền (background knowledge) tức là những điều có tính chất phổ thông hoặc kiến thức bách khoa mà ai cũng biết. Theo Kuno, kiến thức đó thường trú trong đầu mỗi người. Ở các câu (16) và (20) kinh nghiệm cuộc sống cho thấy mẹ sẽ về sau chuyển công tác, có thai thì sẽ sinh con; ở câu (17) và (19) kiến thức về quy luật tự nhiên cho biết tuổi già là một tất yếu, sự kết thúc quá trình thụ phấn cũng là một điều tất nhiên; ở câu (18) và (21) quy ước xã hội cho biết việc xe lửa đến ga là chắc chắn, đèn đỏ sẽ phải chuyển sang đèn xanh.

Những kiến thức nền đó tự nó đã triệt tiêu khả năng “không chắc chắn” trong đầu người nghe.

3. Như vậy, có thể nói *khi nào* diễn đạt một sự tình hiện thực. Tuy nhiên, do hàm ý biệt loại như đã nói trên, khi kiến thức nền của người nghe không giúp họ tin vào sự chắc chắn về khả năng xảy ra sự tình được diễn đạt ở “*khi nào...*” thì không thể xem phát ngôn có chứa *khi nào* đồng nhất về ý nghĩa với phát ngôn có chứa *khi*. Lấy lại các ví dụ (7) – (9):

(26) *Khi* có thời gian rảnh, tôi sẽ đến anh ngay.

(27) *Khi nào* có thời gian rảnh, tôi sẽ đến anh ngay.

(28) *Nếu* có thời gian rảnh, tôi sẽ đến anh ngay.

Theo chúng tôi, có thể hiểu *khi nào* trong những câu trên là hình thức trung gian giữa hiện thực và giả định. Nói cụ thể hơn, với một câu mở đầu bằng *khi*, có vẻ sự việc theo sau nó có tính hiện thực cao hơn một câu *khi nào*, và

(xem tiếp trang 21)

Nhiệm vụ thứ nhất cho thấy cấu trúc của câu - nhiệm vụ “ngữ pháp”. Nhiệm vụ thứ hai cho thấy nét bóng bẩy của ngữ nghĩa - nhiệm vụ “tu từ”. Ngoài ra, ý kiến của Richard Clark cũng đáng để chúng ta suy ngẫm: “Ngữ pháp giảng dạy ở nhà trường thường nhấn mạnh quá nhiều đến nhiệm vụ ngữ pháp của dấu phẩy... mặc dù tôi đồng ý rằng quy tắc ngữ pháp rất quan trọng, nhưng dấu phẩy là một trường hợp đặc biệt mà quy tắc này cần được ưu tiên chuyển một ít, cho bây giờ và mai sau...”[8 :61].

Tài liệu tham khảo

1. Gowers E. (1986), *The complete plain words*, 3rd edition (revised by Greenbaum S. and Whitcut J.), London: Penguin Books.
2. Kristin Piombino (2013), *Infographic: The Oxford comma debate*, February 20.
<http://www.healthcarecommunication.com/Main/Articles/10477.aspx>
3. Lê Văn Bài, Hoàng Xuân Tâm, Bùi Tất Tuom (1994), *Giúp bạn nói đúng và viết đúng tiếng Việt*, Nxb Thuận Hoá.
4. Lý Toàn Thắng (1971), *Bàn về những cơ sở của việc dùng dấu câu trong tiếng Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 3, tr. 22 - 25.
5. Mullan J. (2004), *The war of the commas*. The Guardian, 2 July.
6. Nada Rendradjaja (2013), *Essential knowledge*, The Daily Californian, 9/2013.
<http://www.dailycal.org/essential-knowledge/>
7. Nguyễn Đức Dân và Trần Thị Ngọc Lang (1992), *Câu sai và câu mơ hồ*, Nxb Giáo dục.
8. Richard Clark (2007), *The fatal comma*, The write stuff, Vol.16, No.2, The Journal of the European medical writers Association.
9. Phạm Đan Quế (2009), *Về chữ "chết" trong Truyện Kiều*, 07/04/2009.
<http://vietsciences.free.fr/vietnam/bienkhao-binhluan/vechuchettrongtruyenkieu.htm>
10. *Serial comma*,
http://en.wikipedia.org/wiki/Serial_comma.
(Ban Biên tập nhận bài ngày 08-11-2013)

“KHI NÀO...”

- GIẢ ĐỊNH HAY HIỆN THỰC ?

(tiếp theo trang 28)

một câu *khi* nào thì lại có tính hiện thực cao hơn *nếu*.

Nghĩa là, dưới góc độ của người nghe, tính “hiện thực” giảm dần từ *khi* (vd (24)), đến “hiện thực yếu” với *khi* nào (vd (25)) và cuối cùng là “giả định” với *nếu* (vd (26)). Nói cách khác, ba cách diễn đạt trên dường như tạo thành một chuỗi liên tục từ hiện thực đến giả định (*khi* - *khi* nào - *nếu*).

Có lẽ đây là một đặc điểm của tiếng Việt, một ngôn ngữ không có thức ngữ pháp, khác với một số ngôn ngữ như tiếng Anh chẳng hạn.

(**Chú thích:** Cũng cần nói thêm, những phân tích trên dành cho những sự việc xảy ra *một lần*, còn đối với những sự việc xảy ra *hiều lần* (thói quen, chân lí hoặc quy luật) thì *khi*, *khi* nào và *nếu* hoàn toàn có thể thay thế cho nhau:

- (1) a. *Khi* rảnh, nó đọc sách ngay.
b. *Khi* nào rảnh, nó đọc sách ngay.
c. *Nếu* rảnh, nó đọc sách ngay.
- (2) a. *Khi* nhiệt độ lên đến 100 độ, nước sẽ sôi.
b. *Khi* nào nhiệt độ lên đến 100 độ, nước sẽ sôi.
c. *Nếu* nhiệt độ lên đến 100 độ, nước sẽ sôi.)

Tài liệu tham khảo

1. Akatsuka Noriko (1986), *Conditionals are discourse-bound*, trong Traugott et al, *On conditionals*, Cambridge: Cambridge University Press.
2. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Q 1, Nxb KHXH.
3. Fauconnier Gilles (1985), *Mental space*, The MIT press, Cambridge.
4. Kuno Susumu (1973), *The structure of the Japanese Language*, The MIT Press.
5. Lê Thị Minh Hằng (2004), *Một đề nghị phân loại câu điều kiện tiếng Việt*, Tc Ngôn ngữ, số 2, H.
6. Nguyễn Khánh Hà (2009), *Câu điều kiện tiếng Việt - nhìn từ góc độ ngôn ngữ học tri nhận*, Nxb KHXH, H.
7. Sweetser Eve (1990), *From etymology to pragmatics*, Cambridge: Cambridge U.P.
(Ban Biên tập nhận bài ngày 08-11-2013)